

**CÔNG TY CỔ PHẦN SARA VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO KỲ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/01/2012 ĐẾN NGÀY 30/06/2012**



---

Tháng 8 năm 2012

**MỤC LỤC**

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Khắc Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thế Sơn	Thành viên
Ông Trịnh Hữu Tuấn	Thành viên
Ông Thái Sỹ Oai	Thành viên
Ông Trương Đức Thắng	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trương Đức Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Sơn	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về Kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Trương Đức Thắng**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 14 tháng 8 năm 2012



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.  
Address: Room 3203, 32<sup>th</sup> Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.  
Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietsnam.com.vn Website: www.ifcvietsnam.com.vn

Số: 2976/2012/BCSX-IFC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012  
của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam

**Kính gửi:** Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sara Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (gọi tắt là "Công ty") cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 được lập ngày 14 tháng 08 năm 2012 từ trang 4 đến trang 23 kèm theo. Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc soát xét.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng các Báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi đối với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên các thông tin tài chính; công tác này cung cấp mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Ý kiến

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



**Khúc Đình Dũng**  
Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV  
Ngày 14 tháng 08 năm 2012

**Nguyễn Thị Thanh Hoa**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1402/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU B 01-DN  
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>20.028.806.611</b>	<b>21.294.400.557</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>162.102.295</b>	<b>10.621.875</b>
1. Tiền	111	V.1	162.102.295	10.621.875
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.500.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	2.500.000.000	2.500.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>4.772.881.437</b>	<b>4.899.881.437</b>
1. Phải thu khách hàng	131		1.944.260.453	2.071.260.453
2. Trả trước cho người bán	132		2.465.347.894	2.465.347.894
5. Các khoản phải thu khác	135	V.3	363.273.090	363.273.090
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.593.822.879</b>	<b>13.883.897.245</b>
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		378.822.879	368.897.245
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	12.215.000.000	13.515.000.000
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>14.248.705.892</b>	<b>14.084.926.221</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>9.660.263.913</b>	<b>9.267.830.234</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	3.261.899.806	3.531.585.885
- Nguyên giá	222		4.650.986.154	4.639.168.881
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.389.086.348)	(1.107.582.996)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		130.909.127	130.909.127
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(130.909.127)	(130.909.127)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6	6.398.364.107	5.736.244.349
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3.300.000.000</b>	<b>3.300.000.000</b>
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.7	3.300.000.000	3.300.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.288.441.979</b>	<b>1.517.095.987</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.288.441.979	1.517.095.987
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>34.277.512.503</b>	<b>35.379.326.778</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU B 01-DN  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>12.153.112.188</b>	<b>12.118.820.646</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.102.641.072</b>	<b>12.070.137.874</b>
2. Phải trả người bán	312		4.847.986.850	4.875.486.850
3. Người mua trả tiền trước	313		100.000.000	100.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9	1.280.714.068	1.263.663.344
5. Phải trả người lao động	315		-	-
6. Chi phí phải trả	316		15.599.127	15.599.127
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	5.672.866.440	5.638.855.690
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		185.474.587	176.532.863
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>50.471.116</b>	<b>48.682.772</b>
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		50.471.116	48.682.772
<b>B- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>		<b>22.124.400.315</b>	<b>23.260.506.132</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.11</b>	<b>22.124.400.315</b>	<b>23.260.506.132</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		20.000.000.000	20.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.610.751.724	2.451.589.036
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		252.355.587	243.413.863
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(738.706.996)	565.503.233
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>34.277.512.503</b>	<b>35.379.326.778</b>



**Trương Đức Thắng**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 14 tháng 08 năm 2012

**Trần Thị Mai**  
 Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012

MẪU B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	215.248.986	20.467.041.443
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	215.248.986	20.467.041.443
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	185.120.000	17.851.019.823
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.128.986	2.616.021.620
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	225.072.800	162.276.113
7. Chi phí tài chính	22		396.000	2.964.220
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.380.181.535	1.352.728.742
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.125.375.749)	1.422.604.771
11. Thu nhập khác	31		-	4.778.382
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	4.778.382
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.125.375.749)	1.427.383.153
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.4	-	356.845.788
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.125.375.749)	1.070.537.365
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.5	(563)	535



Trương Đức Thắng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 08 năm 2012

Trần Thị Mai  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
**(Theo phương pháp trực tiếp)**  
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2012 đến 30/6/2012

MẪU B 03-DN  
 Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	567.760.684	16.408.984.884
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(93.826.337)	(2.276.982.769)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.495.560.025)	(851.391.596)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.300.000.000	2.300.000.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(370.772.156)	(13.441.037.203)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(92.397.834)</b>	<b>2.139.573.316</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	18.805.454	(96.530.909)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.300.000.000)
7. Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	225.072.800	162.276.113
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>243.878.254</b>	<b>(2.234.254.796)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>151.480.420</b>	<b>(94.681.480)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	10.621.875	825.220.531
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	162.102.295	730.539.051



**Trương Đức Thắng**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 14 tháng 08 năm 2012

**Trần Thị Mai**  
 Kế toán trưởng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sara Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là Công ty Cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103004132 ngày 12 tháng 04 năm 2004 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi bổ sung do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 20 tháng 02 năm 2012, Công ty chuyển số đăng ký kinh doanh từ số 0103004132 sang số 0101476469, vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 2.000.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 10 tháng 01 năm 2008, Ủy ban chứng khoán nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Công ty Cổ phần Sara Việt Nam đã được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Buôn bán hàng tạp phẩm, điện tử, tin học, thiết bị vật tư, phương tiện vận tải và hàng vải sợi may mặc;
- Sản xuất, buôn bán vật liệu xây dựng và hàng trang trí nội thất;
- Vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- Tư vấn về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực điện tử, tin học;
- Sản xuất phần mềm vi tính;
- Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Đào tạo, dạy nghề ngoại ngữ, tin học, kỹ thuật viên công nghệ thông tin, chuyên viên công nghệ thông tin, kế toán máy, cơ khí (Chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Tư vấn du học;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp và giao thông, thủy lợi;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Đại lý kinh doanh dịch vụ Internet;
- Dịch vụ quảng cáo trên mạng Internet;
- Lắp đặt mạng LAN, WAN;
- Đại lý cung cấp các dịch vụ bưu chính viễn thông;
- Dịch vụ cung cấp thông tin thị trường (Trừ loại thông tin Nhà nước cấm, dịch vụ điều tra);
- Cung cấp dịch vụ gia tăng trên mạng thông tin di động.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 để cung cấp thông tin theo qui định của Pháp luật hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2011/TT - BTC ngày 31/12/2011.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện phân loại một số chỉ tiêu phù hợp theo hướng dẫn sửa đổi bổ sung của Bộ tài chính trong Thông tư này.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số VII.1

### **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

#### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### **Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

##### *Công nợ tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao hàng năm được thực hiện phù hợp với các quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	5 - 08
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 08

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Phần mềm hệ thống dự toán, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao là 5 năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu xây lắp, doanh thu cung cấp dịch vụ internet, nhắn tin dự thưởng (SMS), thiết kế website, đào tạo tin học, cho thuê xe ô tô... doanh thu từ tiền lãi tiền gửi và thu nhập khác.

Doanh thu cung cấp dịch vụ internet, nhắn tin dự thưởng (SMS), thiết kế website, đào tạo tin học, cho thuê xe ô tô... được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ đã cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ lãi tiền gửi được ghi nhận theo thông báo của ngân hàng, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Trong các hoạt động mang lại doanh thu cho Công ty có các hoạt động: chuyển giao công nghệ; thiết kế website được miễn giảm thuế theo quy định của Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ và Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành nghị định trên.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Công ty hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với dịch vụ internet, bảo dưỡng máy tính, thuê xe ô tô và đối với hoạt động xây lắp; không chịu thuế đối với dịch vụ thiết kế website, đào tạo và chuyển giao công nghệ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Đối với các hoạt động chuyển giao công nghệ; thiết kế website được miễn giảm thuế theo quy định của Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ và Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thi hành nghị định trên.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**V. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	158.317.776	1.109.156
Tiền gửi ngân hàng	3.784.519	9.512.719
<b>Cộng</b>	<b>162.102.295</b>	<b>10.621.875</b>

**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cho vay ngắn hạn (*)	2.500.000.000	2.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.500.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>

(\*) Đây là khoản cho ông Cao Thế Thành vay số tiền 2.500.000.000 đồng trong 12 tháng kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2012 với lãi suất 1,5%/tháng theo hợp đồng vay số 01/12-HĐSA ngày 31 tháng 12 năm 2011.

**3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty CP Đầu tư Xây dựng Sara 425	363.273.090	363.273.090
<b>Cộng</b>	<b>363.273.090</b>	<b>363.273.090</b>

**4. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	12.215.000.000	13.515.000.000
<b>Cộng</b>	<b>12.215.000.000</b>	<b>13.515.000.000</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**5. Tài sản cố định hữu hình**

	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Tổng cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2012	229.078.365	3.374.818.023	1.035.272.493	4.639.168.881
Mua trong kỳ	-	-	11.817.273	11.817.273
<b>Tại ngày 30/06/2012</b>	<b>229.078.365</b>	<b>3.374.818.023</b>	<b>1.047.089.766</b>	<b>4.650.986.154</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2012	229.078.365	231.067.777	647.436.854	1.107.582.996
Khấu hao trong kỳ	-	211.515.218	69.988.134	281.503.352
<b>Tại ngày 30/06/2012</b>	<b>229.078.365</b>	<b>442.582.995</b>	<b>717.424.988</b>	<b>1.389.086.348</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 01/01/2012	-	3.143.750.246	387.835.639	3.531.585.885
Tại ngày 30/06/2012	-	2.932.235.028	329.664.778	3.261.899.806

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 706.963.762 đồng.

**6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Dự án Mobile Payment	24.789.413	24.789.413
Dự án Trung tâm Datacenter	3.386.455.680	3.386.455.680
Dự án Hà Tây	2.987.119.014	2.324.999.256
<b>Cộng</b>	<b>6.398.364.107</b>	<b>5.736.244.349</b>

**7. Đầu tư dài hạn khác**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Góp vốn vào Công ty CP Borsmi	3.300.000.000	3.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b>3.300.000.000</b>	<b>3.300.000.000</b>

Theo hợp đồng mua bán cổ phần ngày 10 tháng 01 năm 2011, Công ty CP Sara Việt Nam mua 330.000 cổ phần của Công ty CP Borsmi (mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 đồng) với giá trị đầu tư là 3.300.000.000 đồng.

**8. Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Công cụ dụng cụ	1.288.441.979	1.517.095.987
<b>Cộng</b>	<b>1.288.441.979</b>	<b>1.517.095.987</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế GTGT	401.582.808	401.582.809
Thuế thu nhập doanh nghiệp	829.185.333	829.185.333
Thuế thu nhập cá nhân	49.945.927	32.895.202
<b>Cộng</b>	<b>1.280.714.068</b>	<b>1.263.663.344</b>

**10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.938.000	1.938.000
Bảo hiểm xã hội	42.223.354	22.067.354
Bảo hiểm y tế	9.591.750	-
Bảo hiểm thất nghiệp	5.873.208	1.610.208
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sara (*)	5.613.240.128	5.613.240.128
<b>Cộng</b>	<b>5.672.866.440</b>	<b>5.638.855.690</b>

(\*) Đây là khoản góp vốn của Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sara theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 98/2011/HTKD về việc Hợp tác đầu tư, xây dựng, kinh doanh Dự án Xây dựng khu chức năng đô thị Sara tại Cầu Nổi, xã Vân Canh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

**11. Vốn chủ sở hữu**

**a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2011	20.000.000.000	-	105.684.142	3.141.263.175	11.764.806.675
Lãi trong năm trước	-	-	-	178.834.480	178.834.480
Phân phối lợi nhuận	-	2.451.589.036	137.729.721	(2.754.594.422)	(165.275.665)
Số dư tại ngày 01/01/2012	20.000.000.000	2.451.589.036	243.413.863	565.503.233	23.260.506.132
Lỗ trong kỳ	-	-	-	(1.125.375.749)	(1.125.375.749)
Phân phối lợi nhuận	-	159.162.688	8.941.724	(178.834.480)	(10.730.068)
Số dư tại ngày 30/06/2012	<b>20.000.000.000</b>	<b>2.610.751.724</b>	<b>252.355.587</b>	<b>(738.706.996)</b>	<b>22.124.400.315</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**11. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b) Cổ phiếu**

	<b>30/06/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>Cổ phần</b>	<b>Cổ phần</b>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu thường	2.000.000	2.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000	2.000.000
+ Cổ phiếu thường	2.000.000	2.000.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 đồng/ 1 cổ phần.

**12. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý**

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành 3 bộ phận hoạt động - bộ phận quản lý xây dựng, bộ phận quản lý hoạt động thiết kế website, phần mềm và bộ phận quản lý các hoạt động khác. Công ty lập báo cáo bộ phận theo ba bộ phận kinh doanh này.

Hoạt động chủ yếu của ba bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận quản lý xây dựng: chuyên quản lý các hoạt động liên quan đến lĩnh vực đầu tư xây dựng  
 Bộ phận quản lý thiết kế website, phần mềm: chuyên quản lý các hoạt động về website, phần mềm.  
 Bộ phận quản lý khác: chuyên quản lý các hoạt động đào tạo, đầu tư tài chính...

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

**Bảng cân đối kế toán (Tại ngày 30/06/2012)**

	Hoạt động xây dựng	Hoạt động thiết kế website, phần mềm	Hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
	30/06/2012	30/06/2012	30/06/2012	30/06/2012	30/06/2012
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	12.516.485.377	883.386.883	3.970.000.000	-	17.369.872.260
Tài sản không phân bổ				-	16.907.640.243
Tổng tài sản hợp nhất	12.516.485.377	883.386.883	3.970.000.000	-	34.277.512.503
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	4.947.986.850	-	-	-	4.947.986.850
Nợ phải trả không phân bổ				-	7.205.125.338
Tổng nợ phải trả hợp nhất	4.947.986.850	-	-	-	12.153.112.188



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**12. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (từ 01/01/2012 đến 30/06/2012)**

	Hoạt động xây dựng	Hoạt động thiết kế website, phần mềm	Hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	-	210.860.000	4.388.986	-	215.248.986
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
<b>Tổng Doanh thu</b>	-	210.860.000	4.388.986	-	215.248.986
Khấu hao và chi phí phân bổ	-	1.537.159.254	28.142.281	-	1.565.301.535
<b>Kết quả kinh doanh</b>					
Kết quả kinh doanh bộ phận	-	(1.326.299.254)	(23.753.295)	-	(1.350.052.549)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-	(1.326.299.254)	(23.753.295)	-	(1.350.052.549)
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-	-	-
Doanh thu từ các khoản đầu tư	-	-	-	-	225.072.800
Lãi (lỗ) khác	-	-	-	-	-
Chi phí tài chính	-	-	-	-	396.000
Lỗ trước thuế	-	-	-	-	(1.125.375.749)
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	<u>(1.125.375.749)</u>

**Bảng cân đối kết toán (tại ngày 01/01/2012)**

	Hoạt động xây dựng	Hoạt động thiết kế website, phần mềm	Hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
	01/01/2012	01/01/2012	01/01/2012	01/01/2012	01/01/2012
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản</b>					
Tài sản bộ phận	12.064.309.927	1.070.128.654	3.970.000.000	-	17.104.438.581
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	18.274.888.197
<b>Tổng tài sản hợp nhất</b>	12.064.309.927	1.070.128.654	3.970.000.000	-	35.379.326.778
<b>Nợ phải trả</b>					
Nợ phải trả bộ phận	4.975.486.850	-	-	-	4.975.486.850
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	7.143.333.796
<b>Tổng nợ phải trả hợp nhất</b>	4.975.486.850	-	-	-	12.118.820.646

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**12. Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý (tiếp theo)**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (từ 01/01/2011 đến 30/06/2011)**

	Hoạt động xây dựng	Hoạt động thiết kế website, phần mềm	Hoạt động khác	Loại trừ	Tổng cộng
	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Doanh thu</b>					
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	20.454.545.455	6.727.002	5.768.986	-	20.467.041.443
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
<b>Tổng Doanh thu</b>	<b>20.454.545.455</b>	<b>6.727.002</b>	<b>5.768.986</b>	<b>-</b>	<b>20.467.041.443</b>
Khấu hao và chi phí phân bổ	19.187.322.667	16.044.608	381.290	-	19.203.748.565
<b>Kết quả kinh doanh</b>					
Kết quả kinh doanh bộ phận	1.267.222.788	(9.317.606)	5.387.696	-	1.263.292.878
Chi phí không phân bổ					
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	1.267.222.788	(9.317.606)	5.387.696	-	1.263.292.878
Doanh thu từ các khoản đầu tư					162.276.113
Lãi (lỗ) khác					4.778.382
Chi phí tài chính					2.964.220
Lợi nhuận trước thuế					1.427.383.153
Chi phí thuế TNDN					356.845.788
<b>Lợi nhuận trong kỳ</b>					<b>1.070.537.365</b>

**Bộ phận theo khu vực địa lý**

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong môi trường kinh tế khác.

Công ty có trụ sở đặt tại Phòng 205, khu đô thị Đại Kim, phường Định Công, quận Hoàng Mai, TP Hà Nội. Đồng thời, Công ty không có công ty con hay chi nhánh nào khác.

Do đó, Công ty không có nghĩa vụ phải trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý theo quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 28- Báo cáo bộ phận.



*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>215.248.986</b>	<b>20.467.041.443</b>
<u>Trong đó:</u>		
<b>Doanh thu hoạt động không được ưu đãi thuế TNDN</b>	<b>5.188.986</b>	<b>20.460.314.441</b>
Dịch vụ khác	5.188.986	5.768.986
Dịch vụ đào tạo	-	-
Dịch vụ xây dựng	-	20.454.545.455
<b>Doanh thu hoạt động được ưu đãi thuế TNDN</b>	<b>210.060.000</b>	<b>6.727.002</b>
Dịch vụ thiết kế Website	210.060.000	6.727.002
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>215.248.986</b>	<b>20.467.041.443</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
<b>Giá vốn hoạt động không được ưu đãi thuế TNDN</b>	<b>-</b>	<b>17.835.419.823</b>
Dịch vụ đào tạo	-	-
Dịch vụ xây dựng	-	17.835.419.823
<b>Giá vốn hoạt động được ưu đãi thuế TNDN</b>	<b>185.120.000</b>	<b>15.600.000</b>
Dịch vụ thiết kế Website	185.120.000	15.600.000
<b>Cộng</b>	<b>185.120.000</b>	<b>17.851.019.823</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	225.072.800	162.276.113
<b>Cộng</b>	<b>225.072.800</b>	<b>162.276.113</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VI. CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**

**4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
<b>Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế</b>	<b>(1.125.375.749)</b>	<b>1.427.383.153</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>	-	-
Trừ: các khoản không chịu thuế	-	-
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	-	-
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	-	<b>1.427.383.153</b>
Dịch vụ đào tạo, xây dựng, khác	-	1.436.256.151
Dịch vụ phần phần mềm thiết kế Website	-	(8.872.998)
<b>Thuế suất hiện hành</b>		
Dịch vụ SMS, đào tạo, xây dựng, khác	25%	25%
Dịch vụ phần phần mềm thiết kế Website	12,5%	12,5%
Thuế TNDN được giảm	-	0
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>356.845.788</b>

**5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.125.375.749)	1.070.537.365
Các khoản điều chỉnh tăng giảm lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu	(1.125.375.749)	1.070.537.365
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	2.000.000	2.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(563)</b>	<b>535</b>

**6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	18.585.419.823
Chi phí nhân công	1.532.860.000	851.391.596
Chi phí khấu hao tài sản cố định	281.503.352	277.015.507
Chi phí dịch vụ mua ngoài	53.655.441	88.704.918
Chi phí khác bằng tiền	241.887.050	413.964.052
<b>Cộng</b>	<b>2.109.905.843</b>	<b>20.216.495.896</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**

**1. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

- Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn và các khoản phải thu ngắn hạn khác.
- Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm: các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác. Mục đích của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	162.102.295	10.621.875
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.307.533.543	2.434.533.543
Đầu tư ngắn hạn	2.500.000.000	2.500.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.969.635.838</b>	<b>4.945.155.418</b>
<b>Công cụ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ	-	-
Phải trả người bán	4.847.986.850	4.875.486.850
Các khoản phải trả phải nộp khác	5.672.866.440	5.638.855.690
Chi phí phải trả	15.599.127	15.599.127
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.536.452.417</b>	<b>10.529.941.667</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU B 09 - DN**

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn và giá hàng hóa.

*Quản lý rủi ro về giá*

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2012</b>			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	4.847.986.850	-	4.847.986.850
Các khoản phải trả phải nộp khác và chi phí phải trả	5.688.465.567	-	5.688.465.567
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>			
Các khoản vay và nợ	-	-	-
Phải trả người bán	4.875.486.850	-	4.875.486.850
Các khoản phải trả phải nộp khác và chi phí phải trả	5.654.454.817	-	5.654.454.817

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn trong tương lai.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 đến 5 năm VND	Tổng cộng VND
<b>Tại ngày 30/06/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	162.102.295	-	162.102.295
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.307.533.543	-	2.307.533.543
Đầu tư ngắn hạn	2.500.000.000,00	-	2.500.000.000
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>			
Tiền và các khoản tương đương tiền	10.621.875	-	10.621.875
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.434.533.543	-	2.434.533.543
Đầu tư ngắn hạn	2.500.000.000,00	-	2.500.000.000

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:*

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Thiết bị tổng hợp máy văn phòng Sara	-	14.500.000

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)**

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Số dư với các bên liên quan tại ngày 30/6/2012:

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b><u>Phải thu</u></b>	<b>2.430.100.453</b>	<b>2.605.100.453</b>
Công ty Cổ phần Thương mại công nghệ Hùng Phát	245.500.000	420.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Sara 425	584.600.453	584.600.453
Công ty Cổ phần Sara Hà Nội	800.000.000	800.000.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng công nghệ thương mại Sara	-	-
Công ty CP Sara Window	70.000.000	70.000.000
Công ty CP Viễn thông Sara	60.000.000	60.000.000
Công ty Cổ phần Borsmi	670.000.000	670.000.000
<b><u>Phải trả</u></b>	<b>6.161.501.421</b>	<b>6.161.501.421</b>
Công ty CP Đầu tư xây dựng công nghệ thương mại Sara	548.261.293	548.261.293
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sara	5.613.240.128	5.613.240.128

**3. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 06 năm 2011 đã được soát xét.

Một số số liệu của kỳ trước được phân loại lại cho phù hợp với số liệu của kỳ này.



Trương Đức Thắng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 14 tháng 08 năm 2012

Trần Thị Mai  
Kế toán trưởng